

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên  
đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia  
và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi  
Luật số 26/2018/QH14;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được  
sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 349/2025/NĐ-CP của Chính phủ về việc Quy định  
chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn và  
thi đấu;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và  
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 117/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy  
định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ  
trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam;*

*Xét Tờ trình số 326/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức thưởng đối với  
huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc  
gia và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra  
của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu  
Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức thưởng đối với huấn  
luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và  
các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên  
đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia; huấn luyện viên, vận động viên  
đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi do tỉnh, các  
xã, phường, đặc khu và các sở, ban, ngành thuộc tỉnh tổ chức theo quyết định của  
cấp có thẩm quyền.

## 2. Đối tượng áp dụng

a) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên, vận động viên thi đấu (sau đây gọi là huấn luyện viên, vận động viên) thuộc đội tuyển thể thao của tỉnh, các xã, phường, đặc khu và sở, ban, ngành thuộc tỉnh đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện các quy định tại Nghị quyết này.

### **Điều 2. Mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thi đấu đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia**

1. Huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các môn thi đấu đơn, đôi, đồng đội, tập thể, toàn đoàn từng môn của các giải thi đấu thể thao vô địch quốc gia, mức thưởng cho mỗi giải cụ thể:

*Đơn vị tính: đồng*

| STT | Nội dung môn thi đấu                             | Mức thưởng                  |                           |                           |                             |
|-----|--------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|---------------------------|-----------------------------|
|     |                                                  | Huy chương Vàng (Giải Nhất) | Huy chương Bạc (Giải Nhì) | Huy chương Đồng (Giải Ba) | Phá kỷ lục được thưởng thêm |
| 1   | Đơn, cá nhân                                     | 15.000.000                  | 9.000.000                 | 6.000.000                 | 6.000.000                   |
| 2   | Đôi                                              | 22.000.000                  | 16.000.000                | 10.000.000                |                             |
| 3   | Đồng đội                                         | 27.000.000                  | 21.000.000                | 16.000.000                | 16.000.000                  |
| 4   | Toàn đoàn từng môn                               | 30.000.000                  | 23.000.000                | 17.000.000                |                             |
| 5   | Tập thể, đội tuyển                               | 65.000.000                  | 45.000.000                | 35.000.000                |                             |
| 6   | Tập thể, đội tuyển (từ 11 vận động viên trở lên) | 170.000.000                 | 150.000.000               | 80.000.000                |                             |

2. Huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao vô địch cúp, vô địch các đội mạnh, vô địch các câu lạc bộ quốc gia; các giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật quốc gia: Mức thưởng bằng 70% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu vô địch trẻ, thiếu niên, nhi đồng, vô địch các nhóm tuổi, các giải vô địch Under (U) quốc gia: Mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao vô địch quốc gia khu vực, vùng, miền; các giải thể thao quần chúng, Hội thi thể thao quần chúng toàn quốc; Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc: Mức thưởng bằng 40%

mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các môn thi đấu của Đại hội Thể thao toàn quốc: Mức thưởng bằng 150% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

6. Vận động viên đạt nhiều huy chương tại cùng một giải thi đấu thể thao được hưởng mức thưởng tương ứng với từng huy chương đạt được theo quy định tại Điều này.

7. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên đạt nhiều huy chương tại cùng một giải thi đấu thể thao được hưởng mức thưởng tương ứng với từng huy chương mà vận động viên đạt được theo quy định tại Điều này.

8. Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội trong cùng một lần thi, vận động viên được hưởng 100% mức thưởng của một thành tích và từ huy chương thứ hai trở lên được hưởng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại Điều này.

### **Điều 3. Mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh**

1. Huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các môn thi đấu đơn, đôi, đồng đội, tập thể, toàn đoàn từng môn của các giải thi đấu thể thao vô địch tỉnh, mức thưởng cho mỗi giải cụ thể:

*Đơn vị tính: đồng*

| STT | Nội dung môn thi đấu                             | Mức thưởng                  |                           |                           |                               |                             |
|-----|--------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|---------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
|     |                                                  | Huy chương Vàng (Giải Nhất) | Huy chương Bạc (Giải Nhì) | Huy chương Đồng (Giải Ba) | Giải khuyến khích, phong cách | Phá kỷ lục được thưởng thêm |
| 1   | Đơn, cá nhân                                     | 1.000.000                   | 700.000                   | 400.000                   | 200.000                       | 400.000                     |
| 2   | Đôi                                              | 1.200.000                   | 900.000                   | 600.000                   |                               |                             |
| 3   | Đồng đội                                         | 1.500.000                   | 1.000.000                 | 700.000                   |                               | 700.000                     |
| 4   | Toàn đoàn từng môn                               | 2.000.000                   | 1.500.000                 | 1.000.000                 |                               |                             |
| 5   | Tập thể, đội tuyển                               | 8.000.000                   | 5.000.000                 | 2.000.000                 | 1.000.000                     |                             |
| 6   | Tập thể, đội tuyển (từ 11 vận động viên trở lên) | 10.000.000                  | 8.000.000                 | 6.000.000                 | 4.000.000                     |                             |

2. Huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao vô địch cúp, vô địch các đội mạnh, vô địch các câu lạc bộ tỉnh; các giải thi đấu

thể thao dành cho người khuyết tật tỉnh: Mức thưởng bằng 70% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao vô địch trẻ, thiếu niên, nhi đồng, vô địch các nhóm tuổi, các giải vô địch U tỉnh: Mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao vô địch tỉnh khu vực; các giải thể thao quần chúng, Hội thi thể thao quần chúng tỉnh; Hội khỏe Phù Đổng tỉnh: Mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các môn thi đấu của Đại hội Thể thao tỉnh: Mức thưởng bằng 150% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

6. Huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao xã, phường, đặc khu và sở, ban, ngành thuộc tỉnh Quảng Ngãi: Mức thưởng không quá 80% theo các mức thưởng tương ứng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này.

7. Vận động viên đạt nhiều huy chương tại cùng một giải thi đấu thể thao được hưởng mức thưởng tương ứng với từng huy chương đạt được theo quy định tại Điều này.

8. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên đạt nhiều huy chương tại cùng một giải thi đấu thể thao được hưởng mức thưởng tương ứng với từng huy chương mà vận động viên đạt được theo quy định tại Điều này.

9. Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội trong cùng một lần thi, vận động viên được hưởng 100% mức thưởng của một thành tích và từ huy chương thứ hai trở lên được hưởng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại Điều này.

#### **Điều 4. Kinh phí thực hiện**

1. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí thực hiện Nghị quyết này. Nhiệm vụ thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo kinh phí theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và quy định của Luật ngân sách nhà nước.

2. Các nguồn tài chính hợp pháp khác.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

#### **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 17 tháng 7 năm 2026.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa XIV, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2026.!*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Vụ Pháp chế, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục KTVB và TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường và đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các phòng, CV;
- Lưu: VT, Cthđnd (dtqq).

*Nguyễn Đức Tuy*

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Tuy**